

BÁO CÁO

Kết quả Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” Xuân Quý Ty - 2013

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về chăm lo cho đồng bào nghèo trong cả nước vui Tết đón Xuân; phát huy kết quả đạt được của Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” trong những năm qua, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (viết tắt là Trung ương Hội) tiếp tục tổ chức Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” năm Quý Ty - 2013 (viết tắt là Phong trào) với thông điệp “Chung sức cùng một triệu gia đình nghèo vui Tết, đón Xuân”. Phong trào đã được triển khai sâu rộng ở tất cả các cấp Hội, lôi cuốn được đông đảo các tổ chức, các nhà hảo tâm và các tầng lớp nhân dân tham gia. Trung ương Hội báo cáo kết quả Phong trào năm Quý Ty - 2013 như sau:

1. Công tác chỉ đạo, xây dựng kế hoạch triển khai Phong trào

Ngay từ đầu tháng 10/2012, Trung ương Hội đã ban hành văn bản chỉ đạo Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” Xuân Quý Ty - 2013 trong toàn Hội cùng với chỉ tiêu cụ thể vận động quà và mức quà Tết cho các tỉnh, thành Hội (công văn số 896/TUHCĐ-CTXH ngày 08/10/2013). Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã có văn bản đề nghị các tỉnh, thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phối hợp chỉ đạo Phong trào tại địa phương. Trung ương Hội đã phối hợp với các cơ quan báo chí trong công tác tuyên truyền về Phong trào, phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam xây dựng phóng sự phản ánh lại quá trình triển khai và kết quả thực hiện phong trào của toàn Hội, chuẩn bị phát sóng trong những ngày Tết. Trung ương Hội đã tổ chức kiểm tra việc triển khai phong trào ở một số địa phương, khu vực; thường xuyên cập nhật thông tin về Phong trào ở các địa phương và kịp thời thông báo, biểu dương các địa phương triển khai có hiệu quả, nhắc nhở, uốn nắn một số địa phương triển khai chậm, thụ động, đồng thời xây dựng kế hoạch hỗ trợ kinh phí, tháp tùng một số đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước thăm và tặng quà Tết cho đồng bào nghèo tại một số địa phương.

Trên cơ sở chỉ đạo của Trung ương Hội, các tỉnh, thành Hội đã xây dựng kế hoạch thực hiện Phong trào tại địa phương, tham mưu đề xuất với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chỉ đạo Phong trào, hướng dẫn và giao chỉ tiêu vận động quà Tết cho các cơ sở Hội, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cùng cấp tiến hành rà soát, lập danh sách đối tượng và xây dựng kế hoạch trợ

giúp các đối tượng một cách thiết thực, đảm bảo hiệu quả, bớt chồng chéo. Nhiều tỉnh, thành Hội đã ra lời kêu gọi ủng hộ Phong trào, tổ chức lễ phát động Phong trào; phối hợp với báo, đài phát thanh, truyền hình địa phương đưa các tin, bài tuyên truyền về Phong trào, kịp thời đưa tin danh sách các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm đã ủng hộ Phong trào, phản ánh các hoạt động thăm hỏi tặng quà Tết...

Nhiều tỉnh, thành ủy, ủy ban nhân dân tỉnh, thành đã có văn bản chỉ đạo Phong trào tại địa phương, giao Hội Chữ thập đỏ tỉnh, thành phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các đoàn thể tại địa phương triển khai Phong trào, phối hợp vận động nguồn lực, vận động các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Phong trào, xác định đối tượng trao tặng quà, tổ chức tuyên truyền...

2. Kết quả của Phong trào

a) Công tác vận động nguồn lực

Trung ương Hội đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan chức năng liên quan thuộc Bộ tổ chức chương trình nhắn tin TET gửi 1406 ủng hộ Phong trào, tổ chức truyền hình trực tiếp để ghi nhận, tôn vinh các tập thể và cá nhân ủng hộ Phong trào, vận động Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm tham gia Phong trào (ủng hộ tiền, quà Tết hoặc trực tiếp cùng với Trung ương Hội thăm và tặng quà Tết đồng bào nghèo), vận động các thành viên Hội đồng Bảo trợ hoạt động Chữ thập đỏ tham gia Phong trào với các hình thức thích hợp. Trung ương Hội đã vận động các nguồn quỹ hỗ trợ Tết vì người nghèo tại 43 tỉnh, thành với tổng số tiền trên 5,7 tỷ đồng (trong đó: Ngân hàng Nhà nước ủng hộ 01 tỷ đồng, Công ty sữa Cô gái Hà Lan: 600 triệu đồng, Công ty Miwon: 400 triệu đồng...).

Nhiều tỉnh, thành Hội đã gửi thư ngỏ (kèm theo danh sách các địa chỉ có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương), làm việc trực tiếp với các doanh nghiệp, các nhà chùa, tổ chức tôn giáo để vận động ủng hộ Phong trào; vận động các hội viên, tình nguyện viên, nhân dân tham gia nhắn tin TET gửi 1406; tham mưu vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan ủng hộ 01 ngày lương; phối hợp tổ chức các chương trình nghệ thuật để gây quỹ; đặt hòm quỹ nhân đạo tại các siêu thị, ngân hàng, nhà ga, bến xe; vận động Việt kiều về quê ăn tết ủng hộ quà Tết, vận động tổ chức Hội ở nơi có điều kiện thuận lợi hơn giúp đỡ các địa bàn có hoàn cảnh khó khăn...

b) Các hình thức hỗ trợ

Bên cạnh việc hỗ trợ tiền, hàng thông thường, các cấp Hội đã có nhiều hình thức giúp đỡ mang tính phát triển bền vững như trao tặng nhà Chữ thập đỏ, cấp trâu, bò sinh sản, dụng cụ sản xuất, cây giống, vật nuôi... Ngoài ra, tại một số tỉnh, thành còn có các hình thức hỗ trợ khác như: tặng bàn ghế cho các trường học khó khăn; tặng sách vở cho các em học sinh nghèo; khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho người già, người có hoàn cảnh khó khăn; sửa chữa, sơn vôi, lắp đặt điện chiếu sáng cho các hộ gia đình nghèo, hộ neo đơn; cấp suất ăn cho bệnh

nhân nghèo nằm viện ngày tết; quyền góp gạo, thịt gói bánh chưng tặng người nghèo; tổ chức giao lưu văn nghệ, mời các ca sỹ, nghệ sỹ là cộng tác viên của Hội cùng đi thăm, tặng quà và hát động viên tại các gia đình nghèo vv... Một số cấp Hội đã linh hoạt trong việc lồng ghép Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” với Cuộc vận động “*Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo*” do Trung ương Hội phát động và triển khai trong những năm qua.

c) Kết quả cụ thể của Phong trào:

Theo báo cáo từ các cấp Hội, 63/63 tỉnh, thành Hội đã vận động và trao tặng **1.506.298 suất quà** cho các hộ gia đình nghèo và nạn nhân chất độc da cam (vượt 50% so với chỉ tiêu đề ra, vượt 23% so với năm 2012) với tổng trị giá đạt trên **447,63 tỷ đồng** (tăng 113,28 tỷ đồng so với năm 2012), trong đó có 48 tỉnh, thành Hội vận động vượt chỉ tiêu được giao, như các tỉnh, thành: Thành phố Hồ Chí Minh (vượt 55.463 suất), Cần Thơ (vượt 29.255 suất), Thanh Hóa (vượt 11.717 suất), Long An (vượt 6.140 suất), Quảng Nam (vượt 4.266 suất)...

Cùng với việc trao tặng quà Tết, nhiều tỉnh, thành Hội đã phối hợp tổ chức khám bệnh cấp thuốc miễn phí cho hàng trăm ngàn người nghèo, trao tặng 82.000 bộ quần áo, 3.800 chiếc chăn, 56.000 tấn gạo, 145 con trâu, bò sinh sản, xây mới, sửa chữa nâng cấp trao tặng 661 nhà Chữ thập đỏ cho các hộ gia đình nghèo.

Mặc dù tình hình sản xuất, kinh doanh còn rất khó khăn, nhưng nhiều doanh nghiệp, nhà hảo tâm đã đồng hành cùng Hội Chữ thập đỏ Việt Nam triển khai Phong trào, có 4.304 tổ chức, 2.393 doanh nghiệp đã ủng hộ nguồn lực cho Hội, tiêu biểu là: Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí: 4,7 tỷ đồng tặng người nghèo tại 23 tỉnh; Công ty CP đầu tư Mai Linh: tặng 350 suất quà tại Hòa Bình và Bệnh viện Nhi Trung ương với tổng trị giá 230 triệu đồng; Hòa Thượng Thích Truyền Tứ tặng 3.000 phần quà trị giá 900 triệu; Công ty CP Đầu tư Thương mại Quang Đức tặng quà bệnh nhân tại Bệnh viện K trị giá 100 triệu đồng, tặng đồ chơi cho phòng trẻ em tại Viện Huyết học và Truyền máu Trung ương trị giá 100 triệu đồng...

Trung ương Hội đã tháp tùng một số đồng chí Lãnh đạo Đảng và Nhà nước thăm và tặng quà cho đồng bào nghèo tại các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Trà Vinh, Bạc Liêu, Phú Thọ, Lai Châu và Điện Biên; tổ chức cùng các đối tác đi thăm và tặng quà đồng bào nghèo tại các tỉnh miền núi. Các cấp Hội đã mời lãnh đạo địa phương, đại diện các ban, ngành địa phương, các doanh nghiệp tài trợ tham gia các chuyến thăm và tặng quà các hộ gia đình nghèo, hoàn cảnh khó khăn, nạn nhân chất độc da cam.

Một số tỉnh, thành Hội cùng với việc tổ chức tặng quà Tết tại địa phương đã tích cực vận động ủng hộ các địa phương khác, như: Thành Hội TP. Hồ Chí Minh phối hợp vận động tặng 10.000 suất quà; Hà Nội hỗ trợ Hà Giang, Lai Châu với tổng trị giá hơn 200 triệu đồng; Hà Nam, Hải Dương hỗ trợ 4 tỉnh Tây Bắc 30

triệu đồng, Quảng Ninh, Thái Bình hỗ trợ Hà Giang khám bệnh cấp thuốc miễn phí cho 150 đối tượng, cung cấp 2000 bộ quần áo, Bình Dương hỗ trợ 5 tỉnh gần 900 triệu đồng, Hội Chữ thập đỏ TP. Hồ Chí Minh tổ chức khám bệnh, cấp thuốc và hỗ trợ Việt kiều có hoàn cảnh khó khăn tại Campuchia và cấp 1000 suất quà, tổng trị giá hỗ trợ hơn 650 triệu đồng; Thành Hội Hà Nội khám bệnh và cấp thuốc miễn phí cho 460 Việt kiều thuộc tỉnh Savannakhet, Lào trị giá 97,5 triệu đồng.

Nhiều tỉnh, thành Hội thực hiện phong trào đạt hiệu quả cao với nhiều cách làm năng động, sáng tạo, trị giá vận động cao, vượt chỉ tiêu, tiêu biểu là 18 tỉnh, thành Hội: Hà Nội: 24,6 tỷ đồng; TP. Hồ Chí Minh: 23,6 tỷ đồng; Bình Phước: 18,6 tỷ đồng; Đồng Nai, Bạc Liêu: trên 15 tỷ đồng; Thanh Hóa: 13,4 tỷ đồng; Hậu Giang, Quảng Nam, Đắk Nông: trên 12 tỷ đồng; An Giang, Bình Dương, Vĩnh Long: trên 11 tỷ đồng; Bến Tre: 10,2 tỷ đồng; Đắk Lắk, Quảng Ngãi, Nghệ An: trên 9 tỷ đồng; Kiên Giang, Hà Giang: trên 8 tỷ đồng. Đặc biệt, một số tỉnh với điều kiện kinh tế còn khó khăn nhưng các cấp Hội đã có nhiều nỗ lực tuyên truyền, vận động các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia Phong trào đạt kết quả cao, đó là các tỉnh: Sóc Trăng, Bắc Giang, Hòa Bình,...

3. Đánh giá chung

Phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” năm Quý Ty - 2013 đã được triển khai thiết thực, đạt hiệu quả cao, toàn Hội vận động đạt trên 447,63 tỷ đồng trợ giúp 1.506.298 hộ nghèo và nạn nhân chất độc da cam (50% hộ nghèo trong cả nước). Phong trào đã được các cấp Hội, đông đảo cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ hưởng ứng và tham gia tích cực; thu hút sự tham gia của nhiều tổ chức, đoàn thể và nhân dân tạo ra phong trào tương thân, tương ái rộng lớn chăm lo cho người nghèo. Phong trào đã góp phần củng cố và phát triển tổ chức cơ sở Hội vững mạnh, nâng cao năng lực vận động nhân đạo cho cán bộ, hội viên, thanh, thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ, làm lực lượng nòng cốt trong công tác nhân đạo ở cơ sở.

Đạt được kết quả trên trước hết là do có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể, nội dung và mục tiêu của Phong trào phù hợp với truyền thống nhân ái của dân tộc, khơi dậy được tinh thần “tương thân, tương ái” của mỗi người dân Việt Nam; sự chỉ đạo sớm, chủ động, sát sao, hướng dẫn cụ thể của Trung ương Hội và các tỉnh, thành Hội tới các cấp Hội; việc giao chỉ tiêu phân đấu cụ thể cho từng cơ sở và việc kiểm tra, thông tin thường xuyên của Trung ương Hội và các tỉnh, thành Hội; đặc biệt là sự tham gia tích cực, tâm huyết, trách nhiệm cao và sáng tạo của nhiều cấp Hội, cán bộ, hội viên, thanh thiếu niên, tình nguyện viên Chữ thập đỏ trong cả nước; việc tuyên truyền về phong trào, nhất là giới thiệu các mô hình, cách làm tốt, các điển hình xuất sắc đến từng cấp Hội cơ sở; các địa phương đã chủ động trong việc huy động các nguồn lực tại địa phương cũng như những tỉnh, thành Hội kết nghĩa.

Tuy vậy, việc triển khai thực hiện ở một số địa phương, cơ sở còn thụ động, thiếu toàn diện; nhận thức về Phong trào một số nơi còn hạn chế; việc

tuyên truyền về Phong trào, nhất là giới thiệu các mô hình, cách làm tốt, các điển hình xuất sắc còn chậm; việc huy động nguồn lực còn khó khăn, có địa phương còn có biểu hiện ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của cấp trên hay từ đơn vị bạn; công tác thông tin, báo cáo ở một số địa phương thực hiện chưa nghiêm túc; việc vận động và phối hợp với các tổ chức, cá nhân trong triển khai Phong trào ở một số địa phương còn yếu; giá trị quà Tết ở cơ sở thấp (có nơi mức quà Tết chỉ đạt 100.000đ/suất). Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và sự chông chéo trong hỗ trợ người nghèo, nạn nhân chất độc da cam vào dịp Tết nên việc vận động và tổ chức Phong trào ít nhiều gặp khó khăn.

Một số kinh nghiệm

- Cần triển khai Phong trào sớm, giao chỉ tiêu vận động cụ thể, hợp lý, sát thực cho từng tỉnh, thành Hội.

- Cần phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành ủy, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành trong chỉ đạo Phong trào, phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức Hội tại cơ sở, đồng thời tạo sự công bằng, bớt chông chéo trong việc trao quà Tết ở cơ sở.

- Cần chú trọng đặc biệt tới công tác tuyên truyền, đặc biệt các hoạt động tuyên truyền tại cấp cơ sở trong quá trình triển khai Phong trào.

- Đa dạng hóa phương thức vận động nguồn lực, các hình thức hỗ trợ; thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ, công bằng trong quá trình vận động và trao quà Tết, kịp thời thông tin, báo cáo kết quả sử dụng các nguồn lực cho Phong trào.

- Cần chủ động phối hợp với các tổ chức, cá nhân, cơ quan, doanh nghiệp; chú trọng công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc Phong trào ở cơ sở.

Phát huy kết quả phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc da cam” năm Quý Tỵ - 2013, các cấp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tiếp tục chuẩn bị về mọi mặt để tổ chức thực hiện tốt Phong trào trong năm 2014, góp phần thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Chủ tịch nước Trương Tấn Sang;
- Thủ tướng, các Phó thủ tướng CP;
- Đ/c Hà Thị Khiết, Bí thư TW Đảng, Trưởng ban Dân vận TW;
- Đ/c PCT nước Nguyễn Thị Doan;
- VPQH, VPTW Đảng, VPCP, VPCTN;
- Các ban: DV, TC, TG, ĐN, UBKTTW Đảng;
- UBTW MTTQVN; ĐUK các cơ quan TW;
- Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ;
- Ủy ban các vấn đề XH của QH;
- Các tỉnh, thành ủy, UBND các tỉnh, thành phố;
- Các tỉnh, thành Hội; các ban, đơn vị TW Hội;
- Các đ/c UVTVTW Hội
- Lưu VT, CTXH.

(đề b/c)

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hải Đường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 379/SY-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 3 năm 2013

Nơi nhận:

- Hội CTĐ tỉnh, Sở LĐTB&XH;
- Lãnh đạo VP, K16;
- Lưu: VT (09b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Mai Việt Trung

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO
TẾT "VÌ NGƯỜI NGHÈO VÀ NẠN NHÂN CHẤT ĐỘC DA CAM" XUÂN QUÝ TÝ 2013
 (Kèm theo Báo cáo số: **50** /BC-TƯHCTD ngày **28** tháng 02 năm 2013)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tỉnh/Thành Hội	SỐ HỘ ĐƯỢC HỖ TRỢ					KẾT QUẢ THỰC HIỆN										TỔNG TRỊ GIÁ	Số DN ủng hộ	Số cơ quan, tổ chức cá nhân
		Hộ nghèo	Tổng giá trị (VNĐ)	Hộ NNCB DC	Tổng giá trị (VNĐ)	Số suất quà	Quần áo		Gạo		Nhà CTĐ		Khác		Tiền mặt (VNĐ)				
							Số lượng (bộ)	Trị giá (VNĐ)	Số lượng (tấn)	Trị giá (VNĐ)	Số lượng (cái)	Trị giá (VNĐ)	Số lượng	Trị giá (VNĐ)					
1	An Giang	42,320	10,723.0	288	406.0	42,608			280.0	2,784.0	58	983.0	159	243.0	2,840.0	11,697.8	15	36	
2	Bình Định	12,570		360	82.0	12,930			4.0	48.0			1	105.0	70.0	3,142.0	7		
3	Bình Dương	34,989	9,401.3	1,015	392.3	36,004					11	490.4	169	422.5		11,240.7	44	43	
4	Bình Phước	32,327	17,478.9	1,256	496.3	33,583	3,610	201.0	153.2	2,439.4	18	681.2	37,982	14,938.1	396.7	18,656.4	3		
5	Bình Thuận	29,558	585.7	354	122.6	27,766	210	10.5	58.6	651.2	2	46.8	15,563	5,192.3	78.9	5,979.7	928.0	1,378	
6	Bà Rịa - VT	2,650	742.0	245	75.0	5,040	322	16.0	4.0	48.0	2	50.0	800	80.0	180.0	1,011.0			
7	Bắc Giang	22,375	6,703.6	1,673	612.6	24,048	13,669	1,311.6		5.5	6	156.0	879	591.5	5,729.0	7,316.2	65.0	35	
8	Bắc Kạn	1,501				1,501										556.3			
9	Bắc Ninh	3,920	1,568.0	1,464	585.6	5,384										2,153.6			
10	Bạc Liêu	38,085	13.8	631		38,716	300	15.0	10.5	105.2	7	150.0			245.8	15,776.0			
11	Bến Tre	36,688	8,877.7	2,623	555.0	39,311	585	1,645.0	149.4	1,645.3	4	105.0	5,512	879.6	417.2	10,226.7	17	92	
12	Cà Mau	2,425	544.2	245	51.4	2,670			15,450.0	168.0	2	110.0		70.0	78.8	1,022.5			
13	Cao Bằng	5,901	1,668.4	130	69.7	6,031	4,951	134.6	5,182.0	71.2	1	32.0		1,100.6	399.7	1,738.0	6	22	
14	Cần Thơ	21,266	5,766.5	1,544	484.7	22,810	322	33.3	174.7	1,747.3	99	4,170.0	15,640	2,829.3	816.6	10,592.3	139	493	
15	Đà Nẵng	14,657	3,843.0	3,758	886.6	18,415	532	31.0	24.2	286.9	4	110.0	100	10.0	135.0	5,185.5			
16	Đắk Lắk	33,165	8,604.4	3,662	1,038.0	36,827	297	35.7	376.8	1,182.9	6	255.0	36,524	6,957.4	1,211.4	9,642.4			
17	Đắk Nông	22,461	11,474.4	1,472	63.5	23,933	803	16.2	5,527.0	52.3	1	30.0			201.7	12,414.0			
18	Điện Biên	6,572	2,020.1	12	7.0	6,584	2,089	184.0	3.4	49.5	5	35.0	1,096.0	80.1	254.7	2,027.1			
19	Đồng Nai	51,249	14,120.9	1,787	551.5	53,036			6.2	90.9	2	55.0	519	391.0		15,212.3	33	47	
20	Đồng Tháp	30,627	7,440.6	484	139.2	31,111	572	79.2	272.2	2,814.0	53	877.6	26	2,278.9	1,530.1	7,579.8			
21	Gia Lai	10,539	2,946.6	1,045	235.2	11,584	108	20.0	36.2	56.8	3	255.0	261	3.0	18.3	3,496.2			
22	Hà Giang	24,329	6,174.0	425	115.0	24,754	1,390	225.0	30.2	456.0	4	100.0	428	413.0	807.0	8,930.3			
23	Hà Nam	24,481		3,634		28,115			173.2					198.6	3,999.4	6,654.0			
24	Hà Nội	79,431	24,306.3	1,068	354.9	80,499	118	590.0	3.3	100.5	9	99.5	16,790	3,655.4	20,179.4	24,624.7			
25	Hải Tĩnh	18,936	7,574.0	1,331	532.4	20,267	276	36.0	24.3	236.0			4,800	98.0	8,106.0	8,476.4	20	50	
26	Hải Dương	13,029	2,872.0	2,253	837.0	15,282	275	31.0	3.5	42.0	1	95.0		30.0	1,312.4	3,876.0	130	50	
27	Hải Phòng	12,346	2,245.3	8,484	1,710.7	20,830			1.7	24.8					1,962.0	3,956.0			
28	Hậu Giang	43,930	8,611.0	2,371	460.0	46,301	3,136	190.0	128.0	1,506.0	9	417.0	9,730	605.0	1,201.0	12,999.0	77	277	
29	Hưng Yên	6,826	2,141	2,210	498	9,036										2,639.0	15	18	
30	Hoà Bình	16,814	4,366.0	1,813	554.0	18,627	3,155	680.0	11.6	132.0	3	158.0	10,543	2,047.0	270.0	5,536.0			

TT	Tỉnh/Thành Hội	SỐ HỘ ĐƯỢC HỖ TRỢ					KẾT QUẢ THỰC HIỆN										TỔNG TRỊ GIÁ	Số DN ủng hộ	Số cơ quan, tổ chức cá nhân
		Hộ nghèo	Tổng giá trị (VNĐ)	Hộ NNCD DC	Tổng giá trị (VNĐ)	Số suất quả	Quần áo		Gạo		Nhà CTĐ		Khác		Tiền mặt (VNĐ)				
							Số lượng (bộ)	Trị giá (VNĐ)	Số lượng (tấn)	Trị giá (VNĐ)	Số lượng (cái)	Trị giá (VNĐ)	Số lượng	Trị giá (VNĐ)					
															183.6	4,746.4			
31	Khánh Hoà	22,001	3,581.8	939		22,940										8,513.0			
32	Kiên Giang	33,408	7,013.0			33,408			10.1	128.9	62	1,320.0				1,758.8			
33	Kon Tum	6,231				6,231													
34	Lâm Đồng	22,783	6,058.7	997	518.0	23,780	202	346.8	12.9	218.0	6	235.0	6,706	1,091.1	728.3	9,195.9			
35	Lào Cai	16,780	4,816.0	799	241.0	17,579	30	513.0	15.6	310.0	1	30.0	1,407	564.0	3,640.0	5,057.0			
36	Lạng Sơn	9,452	2,956	770	362	10,222	2,980	514	8	107	3	225	67	171	736	4,774.9	62	195	
37	Lai Châu	8,121	2,633.0	120	60.0	8,241			5.3	78.8	3		100	750.0	1,491.3	2,743.0			
38	Long An	22,339	5,910.0			22,339			25.7	511.8	7	206.0	1,509	382.0	46.0	7,055.7			
39	Nam Định	13,268	2,102.1	2,242	449.6	15,510	693	133.3	18.6	204.5	15	346.0	3,768	175.0	2,869.5	3,409.7	30		
40	Nghệ An	18,484	4,132.1	14,056	1,449.5	32,540	1,738	268.2	48.3	513.8	37	1,110.0		24.1	1,589.6	9,087.3			
41	Ninh Bình	5,797	2,162.0	1,939	1,163.0	7,736	1,468	167.0	12,300.0	147.0	2	218.0	1,897	723.0	617.0	5,197.0	47.0	678	
42	Ninh Thuận	9,660				9,660							1,500	75.0		2,757.0	22		
43	Phù Thọ	18,708				18,708	6,480	420.5	5.3							4,135.2			
44	Phù Yên	9,673	2,291.0	538	189.0	10,211	25	5.0	17.6	204.0	-	-	3,814	773.1	1,218.0	2,480.2	71	217	
45	Quảng Bình	13,529	5,130.2	1,262	447.0	14,791	146	25.6	10.4	161.9	7	210.0	590	244.8	4,754.7	5,577.2			
46	Quảng Nam	50,184	11,651.9	1,989	697.3	52,173	473	54.9	84.0	967.8	1	58.6	22,640	8,319.2	3,128.8	12,439.2	300		
47	Quảng Ngãi	27,203		1,919		29,122										9,244.0	7		
48	Quang Ninh	13,371	3,603.2	1,560	425.4	14,931	2,688	91.7	2.7	27.2	3	185.0	805	386.1	4,126.6	4,718.5			
49	Quảng Trị	13,529	5,130.2	1,262	447.0	14,791	146	25.6	10.4	161.9	3	4.0	590	244.8	4,754.7	5,577.2			
50	Sóc Trăng	31,601	6,309.9	3,214	845.7	34,815	3,422	125.8	200.6	2,553.3	3	28.0	14,163	2,551.9	1,652.4	7,791.2			
51	Sơn La	6,359				6,359										1,861.0	12	40	
52	Tây Ninh	15,184	4,311.0	80	24.0	15,264	120	12.0	5.8	58.0	6	182.0	3	3.0	80.0	4,335.0			
53	Thái Bình	25,668	6,284.6	5,542	1,108.4	31,210	400	8.0	3.3	49.5	57	1,275.0		60.0		7,510.5			
54	Thái Nguyên	7,785	2,095.0	6,295	1,521.0	14,080	2,450	122.0	2.7	27.0	7	535.0	1,120	25.0		4,373.0			
55	Thanh Hoá	36,822	7,814.1	4,995	1,143.1	41,817	2,762	408.4	16,019.0	333.4	48	1,443.0	4,743	1,629.3	1,288.9	13,401.9	9	3	
56	TT Huế	14,400				17,626			13.0	130.0			16,976	4,532.0		4,662.0			
57	Tiền Giang	29,739	6,806.0			29,739					12	240.0				7,046.0	128	267	
58	Hồ Chí Minh	108,193	16,906.9	2,470	918.2	110,663			2.0	33.0	29	693.0	46,189	3,332.4		23,627.0			
59	Trà Vinh	24,858				24,858										4,574.0	20		
60	Tuyên Quang	15,053	4,481.2	947	355.7	16,000	15,463	297.9	13.7	267.6			3,157	287.9	3,992.4	4,836.9	51.0	105	
61	Vĩnh Long	23,340	5,835.0	10,933	4,204.1	34,273			5.4	53.5	11	320.0	15	380.6	376.0	11,169.2	103.0		
62	Vĩnh Phúc	8,524	2,557.0	4,634	1,389.2	13,158					1	60.0	798	2,702.0	42.0	6,781.2			
63	Yên Bái	6,605	2,379.8	1,315	460.3	7,920	3,785	167.9	5.7	67.5	27	89.3	2,689	636.7	1,879.5	2,840.0	32	258	
64	Trung ương Hội															5,700.0			
	Tổng	1,384,619	307,765	118,454	30,334	1,506,298	82,191	9,193	56,935	24,059	661	18,474	292,768	73,283	91,637	447,633.9	2,393	4,304	